TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 27-7-2021
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Thành

Bà Bùi Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Xuân - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Ngh.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ngh không tham gia phiên toà.

Ngày 27 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ngh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2021/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2021 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phan Thị Q, sinh năm 1980;

Địa chỉ cư trú: Xóm Đông A(nay là xóm 10), xã Hợp Th, huyện Yên Th, tỉnh Ngh; vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Trung H, sinh năm 1977;

Địa chỉ cư trú trước xuất cảnh: Xóm Đông A(nay là xóm 10), xã Hợp Th, huyện Yên Th, tỉnh Ngh.

Địa chỉ cư trú hiện tại: Gärtner straβe. 2. 13055, Berlin, Cộng hòa liên bang Đức; vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1948;

Địa chỉ cư trú: Xóm Đông A(nay xóm 10), xã Hợp Th, huyện Yên Th, tỉnh Ngh; vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn Chị Phan Thị Q trình bày:

Chị và Anh Nguyễn Trung H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hợp Th, huyện Yên Th, tỉnh Ngh vào ngày 17 tháng 02 năm 2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên bất đồng về quan điểm nên hay cãi vã lẫn nhau. Năm 2016, Anh H đi xuất khẩu lao động tại nước Nga. Thời gian đầu vợ chồng còn liên lạc với nhau; đến năm 2018, anh H sang lao động tại Cộng hòa liên bang Đức. Từ đó trở đi vợ chồng không còn liên lạc, quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Hiện tại, chị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Ngh giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Nguyễn Trung H.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là Nguyễn Như Q, sinh ngày 08/01/2006; Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 26/5/2008; Nguyễn Đức V, sinh ngày 26/10/2012; Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 16/4/2017. Hiện các con chung đang ở với chị và được chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, chị Q và anh H thỏa thuận: anh H sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung là Nguyễn Như Q và Nguyễn Ngọc N đến lúc trưởng thành; chị Q sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung là Nguyễn Đức V và Nguyễn Tuấn H đến lúc trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Phan Thị Q có địa chỉ cư trú tại Việt Nam nhưng do tình hình dịch bệnh Covid 19 hạn chế đi lại và do bận công việc nên chị đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, xét xử vụ án vắng mặt chị.

Bị đơn Anh Nguyễn Trung H đang cư trú và làm việc ở nước Cộng hòa liên bang Đức; anh đã biết việc Chị Phan Thị Q nộp đơn ly hôn anh tại Tòa án. Do đó, anh đã gửi bản tự khai đến Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trình bày:

Anh thừa nhận về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng đúng như Chị Phan Thị Q trình bày. Anh và chị Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hợp Th, huyện Yên Th, tỉnh Ngh vào ngày 17 tháng 02 năm 2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Do vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên hay cãi vã lẫn nhau. Năm 2016, anh đi

xuất khẩu lao động tại nước Nga; thời gian đầu vợ chồng còn liên lạc với nhau. Đến năm 2018, anh sang lao động tại Cộng hòa liên bang Đức. Từ đó trở đi vợ chồng không còn liên lạc, quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Hiện tại, anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Q làm đơn xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh và Chị Phan Thị Q có 04 con chung là Nguyễn Như Q, sinh ngày 08/01/2006; Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 26/5/2008; Nguyễn Đức V, sinh ngày 26/10/2012; Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 16/4/2017. Hiện các con chung đang ở với chị Q và được chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, anh và chị Q thỏa thuận: chị Q sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung là Nguyễn Đức V và Nguyễn Tuấn H đến lúc trưởng thành; anh sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung là Nguyễn Như Q và Nguyễn Ngọc N đến lúc trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh và chị Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do anh không ở Việt Nam nên không thể trực tiếp chăm sóc các con chung nên anh nhờ mẹ đẻ là Bà Nguyễn Thị Đ, địa chỉ cư trú: xóm Đông An, xã Hợp Th, huyện Yên Th, tỉnh Ngh chăm sóc, quản lý các con Nguyễn Như Q và Nguyễn Ngọc N trong thời gian anh ở nước ngoài.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện tại, Anh Nguyễn Trung H đang cư trú và làm việc ở Cộng hòa liên bang Đức, do tình hình dịch bệnh Covid 19 diễn biến ngày càng phức tạp nên anh không thể về Việt Nam để giải quyết việc ly hôn nên anh đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt anh. Đồng thời, anh đề nghị Tòa án gửi các văn bản, giấy triệu tập cho anh thông qua mẹ đẻ của anh là Bà Nguyễn Thị Đ, mẹ anh sẽ nhận và có trách nhiệm thông báo cho anh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Anh Nguyễn Trung H là con đẻ của bà; chị Phan Thi Quế là con dâu đã thông tin cho bà biết, Tòa án nhân dân tỉnh Ngh đang giải quyết vụ án ly hôn theo yêu cầu của chị Q. Anh H đang lao động tại Cộng hòa liên bang Đức, nhưng vì tình hình dịch bệnh Covid 19 nên không đi xác nhận được giấy tờ tại Đại sứ quán Việt Nam ở Cộng hòa liên bang Đức nên có viết bản khai gửi về cho bà để nộp lên Tòa án. Bà cam đoan đây là văn bản do anh H viết, ký và điểm chỉ.

Theo thỏa thuận giữa anh H và chị Q thì vợ chồng ly hôn; anh H nuôi 02 con chung là Nguyễn Như Q và Nguyễn Ngọc N; còn chị Q nuôi 02 con chung là Nguyễn Đức V và Nguyễn Tuấn H. Đây là thỏa thuận của anh H và chị Q, gia đình không có ý kiến. Do anh H đang lao động ở nước ngoài chưa thể về Việt Nam nên có nhờ bà chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu Nguyễn Như Q và

Nguyễn Ngọc N. Bà đồng ý nhận trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý các cháu trong thời gian anh H ở nước ngoài và không yêu cầu anh H phải trả công sức chăm sóc các cháu.

Do dịch bệnh Covid 19 hạn chế đi lại nên bà đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Đồng thời, bà đã nộp các tài liệu và sẽ nhận các văn bản tại Tòa án do anh H nhờ và có trách nhiệm gửi và thông báo lại cho anh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Vụ án ly hôn không có tranh chấp con chung, tài sản chung và Tòa án không phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát không phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền giải quyết: Chị Phan Thị Q có địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Nguyễn Trung H hiện cư trú tại nước Cộng hòa liên bang Đức; trước xuất cảnh, anh H có địa chỉ cư trú tại tỉnh Ngh, Việt Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Ngh theo quy định tại Điều 37, Điều 39, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình.

Về thủ tục hòa giải: Vụ án không tiến hành hòa giải được vì Anh Nguyễn Trung H không thể tham gia hòa giải được do đang ở nước ngoài và các đương sự đề nghị không tiến hành hòa giải là phù hợp với quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Phan Thị Q và Bà Nguyễn Thị Đ cư trú tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam nhưng do dịch bệnh Covid 19 hạn chế đi lại nên không thể tham gia phiên tòa được và đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Chị Q đã viết đơn khởi kiện, bản tự khai và cung cấp đầy đủ các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án; bà Đa đã viết đơn trình bày ý kiến còn anh H đang cư trú ở nước Cộng hòa liên bang Đức đã gửi bản tự khai đến Tòa án nhân dân tỉnh Ngh và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Các đương sự phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về các tài liệu và chứng cứ mà các bên đã cung cấp cho Tòa án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Q và Anh Nguyễn Trung H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hợp Th, huyện Yên Th, tỉnh Ngh vào ngày 17 tháng 02 năm 2005, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên bất đồng về quan điểm. Năm 2016, anh H đi xuất khẩu lao động tại nước Nga, thời gian đầu vợ chồng còn liên lạc với nhau. Năm 2018, anh H đến lao động tại nước Cộng hòa liên bang Đức. Từ đó trở đi vợ chồng không còn liên lạc, quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Hiện tại, Chị Phan Thị Q và Anh Nguyễn Trung H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và mong muốn ly hôn. Xét thấy, hôn nhân giữa Chị Phan Thị Q và Anh Nguyễn Trung H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Phan Thị Q yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị Phan Thị Q và Anh Nguyễn Trung H có 04 con chung. Hiện các con chung đang ở với chị Q và được chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Q và anh H thỏa thuận: Giao cho Chị Phan Thị Q được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung Nguyễn Đức V, sinh ngày 26/10/2012 và Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 16/4/2017 đến lúc đủ 18 tuổi, trưởng thành; Giao cho Anh Nguyễn Trung H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung Nguyễn Như Q, sinh ngày 08/01/2006; Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 26/5/2008 đến lúc đủ 18 tuổi, trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Q, anh H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con: Do Anh Nguyễn Trung H đang ở nước ngoài nên có nhờ Bà Nguyễn Thị Đ (mẹ đẻ của anh H) trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các cháu Nguyễn Như Q và Nguyễn Ngọc N trong thời gian anh H ở nước ngoài. Bà Đa tự nguyện nhận trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu chu đáo cho đến khi anh H về Việt Nam và không yêu cầu Tòa án giải quyết về công sức trông nom, chăm sóc các cháu.

Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với hoàn cảnh thực tế về việc nuôi con, phù hợp với nguyện vọng của các con và đúng quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84 và 104 của Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa ghi nhận.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phan Thị Q và Anh Nguyễn Trung H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Tòa án không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Phan Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 104; Điều 122; Điều 123; Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 37; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, khoản 4 Điều 207; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 469; Điều 478 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của Chị Phan Thị Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Q và Anh Nguyễn Trung H được ly hôn.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Chị Phan Thị Q và Anh Nguyễn Trung H có 04 con chung;

Giao cho Chị Phan Thị Q được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung Nguyễn Đức V, sinh ngày 26/10/2012 và Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 16/4/2017 đến lúc đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Giao cho Anh Nguyễn Trung H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung Nguyễn Như Q, sinh ngày 08/01/2006; Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 26/5/2008 đến lúc đủ 18 tuổi, trưởng thành. Do anh H đang ở nước ngoài nên Bà Nguyễn Thị Đ (mẹ đẻ của anh H) nhận trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các cháu Nguyễn Như Q và Nguyễn Ngọc N chu đáo cho đến khi anh H về Việt Nam.

Về cấp dưỡng và công sức trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con: Chị Phan Thị Q, Anh Nguyễn Trung H và Bà Nguyễn Thị Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phan Thị Q và Anh Nguyễn Trung H không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phan Thị Q phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004836 ngày 24/5/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Ngh. Chị Phan Thị Q đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phan Thị Q và Bà Nguyễn Thị Đ có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết. Anh Nguyễn Trung H có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Ngh;
- Cục THADS tỉnh Ngh;
- UBND xã Hợp Th, h. Yên Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Văn Quỳnh